

20

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 1998

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ IX KỲ HỌP THỨ 3
(Từ ngày 29 đến 30/7/1998)

NGHỊ QUYẾT

**Về việc mức thu tiền học phí, tiền xây dựng
ở các trường : Quốc lập, bán công, dân lập, tư thực
trên địa bàn tỉnh Thái nguyên.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi);
- Căn cứ Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc : Thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Sau khi nghe tờ trình số 33, 34, 35/TT-UB ngày 27 tháng 7 năm 1998 của UBND tỉnh về mức thu tiền học phí, tiền xây dựng ở các cơ sở giáo dục đào tạo hệ quốc lập, hệ bán công, dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Thái nguyên.
- Sau khi nghe ban Kinh tế và Ngân sách của HĐND tỉnh báo cáo thẩm tra và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾTNGHỊ :

- 1) Nhất trí thông qua tờ trình của UBND tỉnh về mức thu tiền học phí, tiền xây dựng ở các cơ sở giáo dục đào tạo hệ quốc lập, hệ bán công, dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh Thái nguyên, từ năm học 1998-1999. (có phụ lục kèm theo).
- Các khoản thu khác ở các trường giao cho UBND tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo.
- 2) Giao cho UBND tỉnh tổ chức chỉ đạo thực hiện việc thu chi tiền học phí, tiền xây dựng theo đúng Nghị quyết của HĐND tỉnh và Luật ngân sách.

3) Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Thái nguyên khoá IX thông qua tại kỳ họp thứ ba ngày 30 tháng 7 năm 1998 ./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Chủ tịch



Nông Thái Nghiệp



22

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết về mức thu tiền học phí, tiền xây dựng ở các trường :
Quốc lập, bán công, dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Thái nguyên,
phát hành ngày 06/8/1998

**I- Mức thu học phí của 1 học sinh/tháng theo vùng ở các cơ sở giáo dục -
đào tạo hệ quốc lập. (Đơn vị : Đồng)**

Ngành học cấp học	TP, TX, Thị trấn Trung du	Nông thôn trung du, Thị trấn miền núi	Nông thôn miền núi
A- Sự nghiệp giáo dục			
- Nhà trẻ	50.000	30.000	20.000
- Mẫu giáo	40.000	10.000	8.000
- Cấp II	10.000	5.000	4.000
- Cấp III	20.000	15.000	10.000
- HN, dạy nghề	8.000	6.000	4.000
B- Sự nghiệp đào tạo			
- Trung cấp Kinh tế	70.000		
- Trung cấp Y tế	70.000		

II- Mức thu tiền xây dựng của 1 học sinh cho 1 năm học (đơn vị : đồng)

Bậc học	Học sinh thuộc TP, TX (trừ xã miền núi)	Học sinh thuộc các vùng còn lại
- Nhà trẻ, mẫu giáo	50.000	40.000
- Cấp I	50.000	40.000
- Cấp II	60.000	50.000
- Cấp III	100.000	70.000

III- Về thu học phí ở các trường lớp bán công, dân lập thuộc ngành giáo dục phổ thông và học phí hệ mở rộng đối với các cơ sở đào tạo thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(Mức thu học phí áp dụng thống nhất trong toàn tỉnh)

Số thứ tự	Ngành học, cấp học	Mức thu/tháng một học sinh (Đơn vị : Đồng)
	* Sự nghiệp giáo dục	
	A- Hệ bán công trong trường quốc lập	
1	- Cấp III	50.000
	- Cấp III năng khiếu	55.000
	B- Trường bán công :	
3	- Cấp II	40.000
4	- Cấp III	65.000
	C- Trường dân lập, tư thực (Mức thu do thoả thuận giữa nhà trường và học sinh)	Thoả thuận
	* Sự nghiệp đào tạo	
	A- Hệ mở rộng được giao chỉ tiêu nhưng không cấp ngân sách:	
	a) Hệ trung cấp :	
5	- Sư phạm	150.000
6	- Kinh tế ; kỹ thuật	120.000
7	- Y tế	140.000
	b) Hệ cao đẳng	
8	- Sư phạm	200.000
	c) Hệ đại học	
9	- Tin học	250.000
10	- Ngoại ngữ	220.000
	B- Hệ tại chức : Theo hợp đồng đào tạo của các trường và được Bộ Giáo dục đào tạo duyệt.	Theo hợp đồng